

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BỐ TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 21- 02 - 2020  
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con  
chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Bố Trạch.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2020/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX - ST ngày 05 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Phương T, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tiểu khu 1, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn.

Bị đơn vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Phan Thị Phương T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hồng P kết hôn vào ngày 31/3/1994 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vì tính tình vợ chồng không hòa hợp, không thể khắc phục được, tuy nhiên hai bên vẫn duy trì quan hệ vợ chồng. Đến năm 2018 thì ông bà sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn nên Bà làm đơn xin ly hôn ông Nguyễn Hồng P.

Quá trình chung sống, vợ chồng Bà có 02 con chung tên là Nguyễn Minh Đ , sinh ngày 12/11/1994 và Nguyễn Minh H , sinh ngày 31/01/2005. Con Nguyễn Minh Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con Nguyễn Minh H , Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu ông P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng với Bà cho đến khi con Nguyễn Minh H tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung của vợ chồng, Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - ông Nguyễn Hồng P tại bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/01/2020 trình bày: Ông thừa nhận Ông và bà T kết hôn với nhau vào ngày 31/3/1994 tại UBND thị trấn H trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vì tính tình không hòa hợp. Đến năm 2018 thì ông bà sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Ông nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

Ông cũng nhất trí quá trình chung sống Ông và bà T có 02 con chung như bà T trình bày. Con Nguyễn Minh Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao bà T trực tiếp nuôi con Nguyễn Minh H, ông đóng góp tiền nuôi con với bà T một tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 01/2020 cho đến khi con Nguyễn Minh H tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung vợ chồng Ông cũng nhất trí với ý kiến của bà T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện Ông đi làm ăn xa không thể trực tiếp đến Tòa án trong suốt quá giải quyết vụ án nên Ông xin được vắng mặt tại phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện bà Phan Thị Phương T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bô Trạch giải quyết ly hôn đối với ông Nguyễn Hồng P, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung”; ông Nguyễn Hồng P có nơi cư trú là thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bô Trạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Hồng P vắng mặt nhưng trước đó Ông đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của ông Nguyễn Hồng P là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Hồng P.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Phan Thị Phương T và ông Nguyễn Hồng P có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện B ngày 31/3/1994 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được

một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Ông bà vẫn tiếp tục duy trì hôn nhân nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến năm 2018 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên ông bà sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại nên bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Hồng P. Tại bản tự khai và đơn trình bày xin xét xử vắng mặt, ông P thừa nhận tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, cuộc sống chung không tồn tại nên ông nhất trí ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng của bà T, ông P đã hết, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận xử cho bà Phan Thị Phương T được ly hôn ông Nguyễn Hồng P là phù hợp.

Ông P và bà T đều thống nhất khai nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Minh Đ , sinh ngày 12/11/1994 và Nguyễn Minh H , sinh ngày 31/01/2005. Hiện con lớn là Nguyễn Minh Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Minh H và tại đơn trình bày xin xét xử vắng mặt, ông P đồng ý giao con Nguyễn Minh H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông P đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 01/2020 cho đến khi con Nguyễn Minh H tròn 18 tuổi; con chung của ông bà là Nguyễn Minh H cũng trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì được tiếp tục sống với mẹ. Phía bà T cũng nhất trí với trình bày của ông P về mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng với bà. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình giao bà Phan Thị Phương T trực tiếp nuôi con Nguyễn Minh H là phù hợp. Ông Nguyễn Hồng P đóng góp tiền nuôi con cùng với bà T mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 01/2020 cho đến khi con Nguyễn Minh H tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hồng P và bà Phan Thị Phương T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Bà Phan Thị Phương T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và thỏa thuận nộp thay ông Nguyễn Hồng P 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương T. Xử cho bà Phan Thị Phương T được ly hôn ông Nguyễn Hồng P.

2. Về quan hệ con chung: Giao bà Phan Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng con là Nguyễn Minh H, sinh ngày 31/01/2005. Ông Nguyễn Hồng P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng bà T mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 01/2020 cho đến khi con Nguyễn Minh H tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà Phan Thị Phương T và ông Nguyễn Hồng P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí vụ kiện: Bà Phan Thị Phương T phải nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và thỏa thuận nộp thay ông P 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003363 ngày 20 tháng 01 năm 2020. Bà T phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt tại phiên tòa) hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật (đối với người vắng mặt tại phiên tòa).

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Bố Trạch;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Xuân Diệu**